**BÀI TẬP SINH HỌC 9 TỪ 24.2 – 1.3**

***Khoanh vào chữ cái đứng trước đáp án đúng cho các câu hỏi sau:***

**Câu 1:** Nguyên phân **không** xảy ra ở:

|  |  |
| --- | --- |
|  A. Tế bào sinh dưỡng B. Tế bào sinh dục vào thời kì chín | C. Tế bào mầm sinh dụcD. Hợp tử và tế bào sinh dưỡng |

**Câu 2:** Điều đúng khi nói về sự giảm phân ở tế bào là:

|  |  |
| --- | --- |
|  A. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 2 lần B.NST nhân đôi 2 lần và phân bào 1 lần | C.NST nhân đôi 2 lần và phân bào 2 lần D. NST nhân đôi 1 lần và phân bào 1 lần |

**Câu 3:** Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là gì?

 A. Sự phân chia đồng đều chất nhân của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

 B. Sự sao chép nguyên vẹn bộ NST của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

 C. Sự phân li đồng đều của các crômatit về 2 tế bào con.

 D. Sự phân chia đồng đều chất tế bào của tế bào mẹ cho 2 tế bào con

**Câu 4:** Kết thúc quá trình giảm phân, số NST có trong mỗi tế bào con là:

|  |  |
| --- | --- |
|  A. Lưỡng bội ở trạng thái đơn B. Đơn bội ở trạng thái đơn |  C. Lưỡng bội ở trạng thái kép D. Đơn bội ở trạng thái kép |

**Câu 5:** Ở kì giữa của quá trình nguyên phân, các NST kép xếp thành mấy hàng trên mặt phẳng xích đạo?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  A. 1 hàng |  B. 2 hàng |  C. 3 hàng |  D. 4 hàng |

**Câu 6:** Kết thúc quá trình Nguyên phân, số NST có trong mỗi tế bào con là:

|  |  |
| --- | --- |
|  A. Lưỡng bội ở trạng thái đơn B. Lưỡng bội ở trạng thái kép |  C. Đơn bội ở trạng thái đơn D. Đơn bội ở trạng thái kép |

**Câu 7:** Trong quá trình nguyên phân, sự tự nhân đôi của NST diễn ra ở kì nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  A. Kì trung gian |  B. Kì đầu |  C. Kì giữa |  D. Kì sau |

**Câu 8:** Ở cà chua 2n=24. Số NST có trong một tế bào sinh dưỡng khi đang ở kỳ giữa của nguyên phân là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  A. 12 |  B. 45 |  C. 46 |  D. 48 |

**Câu 9:** Trong giảm phân, sự tự nhân đôi của NST xảy ra ở:

 A. Kì trung gian của lần phân bào I

 B. Kì giữa của lần phân bàoI

 C. Kì trung gian của lần phân bào II

 D. Kì giữa của lần phân bào II

**Câu 10:** Hiện tượng xảy ra trong giảm phân nhưng không có trong nguyên phân là:

 A. Nhân đôi NST

 B. Tiếp hợp giữa2 NST kép trong từng cặp tương đồng

 C. Phân li NST về hai cực của tế bào

 D. Co xoắn và tháo xoắn NST

**Câu 11:** Trong quá trình tạo giao tử ở động vật, hoạt động của các tế bào mầm là:

A. Nguyên phân B. Giảm phân C. Thụ tinh D. Nguyên phân và giảm phân

**Câu 12:** Ở gà có bộ NST 2n = 78. Một tế bào sinh dưỡng tiến hành nguyên phân liên tiếp một số lần, Tổng số NST đơn trong tất cả các tế bào con là 9984. Tế bào đó đã nguyên phân với số lần là:

A. 7 B. 6 C. 5 D. 4

**Câu 13:** Số trứng được tạo ra nếu so với số noãn bài bậc 1 thì :

 A. Bằng nhau B. Bằng 2 lần C. Bằng 4 lần D. Giảm một nửa

**Câu 14:** Có 5 tế bào tham gia nguyên phân liên tiếp 2 lần, số tế bào con thu được là:

A. 10 B. 20 C. 30 D. 40

**Câu 15:** Có 4 tế bào sinh dục cái ở thời kì chín tham gia giảm phân, kết quả thu được:

A. 4 Tinh trùng B. 16 tinh trùng C. 4 trứng D. 4 trứng và 12 thể cực

**Câu 16:** Ở ruồi giấm 2n = 8, khi cho 2 tế bào nguyên phân liên tiếp 3 lần, số NST có trong tất cả tế bào con thu được là bao nhiêu?

A. 16 B. 24 C. 128 D. 64

**Câu 27:** Ở ruồi giấm 2n = 8, khi cho 2 tế bào giảm phân , số NST có trong tất cả tế bào con thu được là bao nhiêu?

A. 16 B. 32 C. 128 D. 64

**Câu 18:** Từ một tinh bào bậc I trải qua quá trình giảm phân sẽ tạo ra được:

 A. 1 tinh trùng và 3 thể cực

 B. 4 tinh trùng

 C. 3 tinh trùng và 1 thể cực

 D. 4 thể cực

**Câu 19:** Ở một loài động vật (2n=20). Có 5 tế bào sinh dục chín thực hiện quá trình giảm phân. Số nhiễm sắc thể có trong tất cả các tế bào con sau giảm phân là:

 A. 300. B. 200. C. 100. D. 400.

**Câu 20:** Một thỏ cái đã sử dụng 24 tế bào sinh trứng phục vụ cho quá trình thụ tinh nhưng chỉ có 50% trứng được thụ tinh. Tham gia vào quá trình này còn có 48 tinh trùng. Tính số hợp tử tạo thành.

 A. 24. B. 48. C. 12. D. 6.

**Câu 21:** Có thể sử dụng…..(A)….tác động vào các con là cá cái, có thể làm cá cái biến thành cá đực. (A) là:

 A. Prôgesterôn B. Ơstrôgen

C. Mêtyl testôstêrôn D. Êxitôxin

**Câu 22:** Số NST thường trong tế bào sinh dưỡng của loài tinh tinh( 2n = 48) là:

 A. 47 chiếc B. 24 chiếc C. 24 cặp D. 23 cặp

**Câu 23:** Trong tế bào sinh dưỡng của mỗi loài, số NST giới tính bằng:

 A. Một chiếc B. Hai chiếc C. Ba chiếc D. Bốn chiếc

**Câu 24:** Hiện tượng cân bằng giới tính là

 A. tỉ lệ đực : cái xấp xỉ 1 : 1 tính trên số lượng cá thể lớn của một loài động vật phân tính.

 B. Tỉ lệ cá thể đực và cái ngang nhau trong một quần thể giao phối.

 C. Tỉ lệ cá thể đực cái ngang nhau trong một lần sinh sản.

 D. Cơ hội trứng thụ tinh với tinh trùng X và tinh trùng Y ngang nhau.

**Câu 25:** Nội dung nào sau đây đúng?

 A. NST thường và NST giới tính đều có các khả năng hoạt động như nhân đôi, phân li, tổ hợp, biến đổi hình thái và trao đổi đoạn.

 B. NST thường và NST giới tính luôn luôn tồn tại từng cặp.

 C. Cặp NST giới tính trong tế bào cá thể cái thì đồng dạng còn ở giới đực thì không.

 D. NST giới tính chỉ có ở động vật, không tìm thấy ở thực vật.

**Câu 26:** Điểm giống nhau giữa NST thường và NST giới tính là:

1. Đều mang gen quy định tính trạng thường.

2. Đều có thành phần hoá học chủ yếu là prôtêin và axit nuclêic.

3. Đều ảnh hường đến sự xác định giới tính.

4. Đều có cá khả năng nhân đôi, phân li và tổ hợp cũng như biến đổi hình thái trong chu kì phân bào.

5. Đều có thể bị biến đổi cấu trúc và số lượng.

Số phương án đúng là:

 A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

**Câu 27:** NST thường và NST giới tính khác nhau ở

 A. Số lượng NST trong tế bào. B. Hình thái và chức năng.

 C. Khả năng nhân đôi và phân li trong phân bào. D. Câu A và B đúng.

**Câu 28:** Vì sao nói cặp XY là cặp tương đồng không hoàn toàn?

 A. Vì NST X mang nhiều gen hơn NST Y.

 B. Vì NST X có đoạn mang gen còn NST Y thì không có gen tương ứng.

 C. Vì NST X và Y đều có đoạn mang cặp gen tương ứng.

 D. Vì NST X dài hơn NST Y.

**Câu 29:** Ở ruồi giấm, thân xám trội so với thân đen, cánh dài trội so cới cánh cụt. Khi lai ruồi thân xám, cánh dài thuần chủng với ruồi thân đen, cánh cụt được F1 toàn thân xám, cánh dài. Cho con đực F1 lai với con cái thân đen, cánh cụt thu được tỉ lệ

 A. 4 xám, dài : 1 đen, cụt. B. 3 xám, dài : 1 đen, cụt.

 C. 2 xám, dài : 1 đen, cụt. D. 1 xám, dài : 1 đen, cụt.

**Câu 30:** Khi lai ruồi giấm thân xám, cánh dài thuần chủng với ruồi thân đen, cánh cụt được F1 toàn thân xám, cánh dài. Cho con đực F1 lai với con cái thân đen, cánh cụt thu được tỉ lệ: 1 xám, dài : 1 đen, cụt. Để giải thích kết quả phép lai Moocgan cho rằng:

 A. các gen quy định màu sắc thân và hình dạng cánh nằm trên một NST.

 B. các gen quy định màu sắc thân và hình dạng cánh nằm trên một NST và liên kết hoàn toàn.

 C. màu sắc thân và hình dạng cánh do 2 gen nằm ở 2 đầu mút NST quy định.

 D. do tác động đa hiệu của gen.

**Câu 31:** Cơ sở tế bào học của sự liên kết hoàn toàn là

 A. sự không phân li của cặp NST tương đồng trong giảm phân.

 B. các gen trong nhóm liên kết di truyền không đồng thời với nhau.

 C. sự thụ tinh đã đưa đến sự tổ hợp của các NST tương đồng.

 D. các gen trong nhóm liên kết cùng phân li với NST trong quá trình phân bào.

**Câu 32:** Điều nào sau đây không đúng với nhóm gen liên kết?

 A. Các gen nằm trên một NST tạo thành nhóm gen liên kết.

 B. Số nhóm gen liên kết ở mỗi loài bằng số NST trong bộ đơn bội (n) của loài đó.

 C. Số nhóm gen liên kết ở mỗi loài bằng số NST trong bộ lưỡng bội (2n) của loài đó.

 D. Số nhóm tính trạng di truyền liên kết tương ứng với số nhóm gen liên kết.

**Câu 33:** Hiện tượng di truyền liên kết là do:

 A. Các cặp gen qui định các cặp tính trạng nằm trên các cặp NST khác nhau.

 B. Các cặp gen qui định các cặp tính trạng nằm trên cung một cặp NST.

 C. Các gen phân li độc lập trong giảm phân.

 D. Các gen tự do tổ hợp trong thụ tinh.

**Câu 34:** Đột biến số lượng NST bao gồm:

 A. Lặp đoạn và đảo đoạn NST

 B. Đột biến dị bội và chuyển đoạn NST

 C. Đột biến đa bội và mất đoạn NST

 D. Đột biến đa bội và đột biến dị bội trên NST

**Câu 35:** Hiện tượng tăng số lượng xảy ra ở toàn bộ các NST trong tế bào được gọi là:

 A. Đột biến đa bội thể

 B. Đột biến dị bội thể

 C. Đột biến cấu trúc NST

 D. Đột biến mất đoạn NST

**Câu 36:** Hiện tượng dị bội thể là sự tăng hoặc giảm số lượng NST xảy ra ở:

 A. Toàn bộ các cặp NST trong tế bào

 B. Ở một hay một số cặp NST nào đó trong tế bào

 C. Chỉ xảy ra ở NST giới tính

 D. Chỉ xảy ra ở NST thường

**Câu 37:** Ở đậu Hà Lan có 2n = 14. Thể dị bội tạo ra từ đậu Hà Lan có số NST trong tế bào sinh dưỡng bằng:

 A. 16 B. 21 C. 28 D.35

**Câu 38:** Thể 1 nhiễm là thể mà trong tế bào sinh dưỡng có hiện tượng:

 A. Thừa 2 NST ở một cặp tương đồng nào đó

 B. Thừa 1 NST ở một cặp tương đồng nào đó

 C. Thiếu 2 NST ở một cặp tương đồng nào đó

 D. Thiếu 1 NST ở một cặp tương đồng nào đó

**Câu 39:** Thể ba nhiễm (hay tam nhiễm) là thể mà trong tế bào sinh dưỡng có:

 A. Tất cả các cặp NST tương đồng đều có 3 chiếc

 B. Tất cả các cặp NST tương đồng đều có 1 chiếc

 C. Tất cả các cặp NST tương đồng đều có 2 chiếc

 D. Có một cặp NST nào đó có 3 chiếc, các cặp còn lại đều có 2 chiếc

**Câu 40:** Kí hiệu bộ NST nào sau đây dùng để chỉ có thể 3 nhiễm?

 A. 2n + 1 B. 2n – 1 C. 2n + 2 D. 2n – 2

**Câu 41:** Số NST trong tế bào là thể 3 nhiễm ở người là:

 A. 47 chiếc NST B. 47 cặp NST C. 45 chiếc NST D. 45 cặp NST

**Câu 42:** Kí hiệu bộ NST dưới đây được dùng để chỉ thể 2 nhiễm là:

 A. 3n B. 2n C. 2n + 1 D. 2n – 1

**Câu 43:** Thể không nhiễm là thể mà trong tế bào:

 A. Không còn chứa bất kì NST nào

 B. Không có NST giới tính, chỉ có NST thường

 C. Không có NST thường, chỉ có NST giới tính

 D. Thiểu hẳn một cặp NST nào đó

**Câu 44:** Bệnh Đao có ở người xảy ra là do trong tế bào sinh dưỡng:

 A. Có 3 NST ở cặp số 12

 B. Có 1 NST ở cặp số 12

 C. Có 3 NST ở cặp số 21

 D. Có 3 NST ở cặp giới tính

**Câu 45:** Cải củ có bộ NST bình thường 2n =18. Trong một tế bào sinh dưỡngcủa củ cải, người ta đếm được 27 NST. Đây là thể:

 A. 3 nhiễm

 B. Tam bội(3n)

 C. Tứ bội (4n)

 D. Dị bội (2n -1)

**Câu 46:** Ở Châu âu, tỉ lệ trẻ sơ sinh mắc bệnh Đao khoảng:

**A.** 1/700 B. 1/500 C.1/200 D. 1/100

**Câu 47:** Bệnh Đao là kết quả của:

A. Đột biến đa bội thể **B.** Đột biến dị bội thể

C. Đột biến về cấu trúc NST D. Đột biến gen

**Câu 48:** Bệnh Tơcnơ là một dạng bệnh:

 **A.** Chỉ xuất hiện ở nữ

 B.Chỉ xuất hiện ở nam

C. Có thể xảy ra ở cả nam và nữ

 D. Không xảy ra ở trẻ con, chỉ xảy ra ở người lớn

**Câu 49:** Kí hiệu NST của người bị bệnh Tơcnơ là:

A. XXY B. XXX **C.** XO D. YO

**Câu 50:** Hôn phối gần( kết hôn gần giữa những người có quan hệ huyết thống) làm suy thoái nòi giống vì:

A. Làm thay đổi kiểu gen vốn có của loài

B. Tạo nên tính đa dạng về kiểu hình

C. Tạo ra khả năng sinh nhiều con dẫn đến thiếu điều kiện chăm sóc chúng

D. Dễ làm xuất hiện các bệnh di truyền

**Câu 51:** C¸c t¸c nh©n vËt lÝ ®­îc sö dông ®Ó g©y ®ét biÕn nh©n t¹o lµ:

A. C¸c tia phãng x¹, c«nsixin

B. C¸c tia phãng x¹, tia tö ngo¹i, sèc nhiÖt

C. Tia tö ngo¹i, c«nsixin

D. Sèc nhiÖt, tia tö ngo¹i, c«nsixin

**Câu 52:** BiÓu hiÖn cña tho¸i ho¸ gièng lµ:

A. Con lai cã søc sèng cao h¬n bè mÑ chóng

B. Con lai sinh tr­ëng m¹nh h¬n bè mÑ

C. N¨ng suÊt thu ho¹ch lu«n ®­îc t¨ng lªn

D. Con lai cã søc sèng kÐm dÇn

**Câu 53:** Tù thô phÊn lµ hiÖn t­îng thô phÊn x¶y ra gi÷a:

A. Hoa ®ùc vµ hoa c¸i cña c¸c c©y kh¸c nhau

B. Hoa ®ùc vµ hoa c¸i trªn cïng mét c©y

C. Hoa ®ùc vµ hoa c¸i cña c¸c c©y kh¸c nhau vµ mang kiÓu gen kh¸c nhau

D.Hoa ®ùc vµ hoa c¸i cña c¸c c©y kh¸c nhau nh­ng mang kiÓu gen gièng nhau

**Câu 54:** Giao phèi cËn huyÕt lµ:

A. Giao phèi gi÷a c¸c c¸ thÓ kh¸c bè mÑ

B. Lai gi÷a c¸c c©y cã cïng kiÓu gen

C. Giao phèi gi÷a c¸c c¸ thÓ cã cïng kiÓu gen kh¸c nhau

D. Giao phèi gi÷a c¸c c¸ thÓ cã cïng bè mÑ hoÆc giao phèi gi÷a con c¸i víi bè mÑ chóng